

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HS-ST  
Ngày 09-6-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi.
2. Ông Vũ Tiến Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy L - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:** Ông Tô Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2022/HSST ngày 29 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

**Phan Văn L**, sinh ngày 21/12/1991 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú thôn P, xã X, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam. Con ông Phan Thanh T và bà Bùi Thị H; Có vợ là Lò Thị Th, có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 10/02/2022 đến ngày 16/02/2022 bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**- Bị hại:** Công ty cổ phần xây dựng công trình N, trụ sở tại đường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn R, chức vụ:

Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Văn Th, sinh năm 1975; Địa chỉ: đường B, phường Trần Tế X, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người làm chứng:*

1. Ông Phan Văn C, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 09/02/2022, Phan Văn L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 17B7 - 405.49 từ nhà đến thôn Đ, xã T, thành phố Thái Bình chơi. Trên đường đi L đến khu vực vỉa hè đường 223 thuộc thôn Đ, xã T, thành phố Thái Bình thì nhìn thấy một người đàn ông mặc áo tối màu đang đào bới đất, gạch trên vỉa hè. L tiến lại gần và hỏi: “*Mày đang làm gì đấy?*” thì người đàn ông không nói gì và lên xe máy bỏ đi. L nhìn thấy trên vỉa hè có một kim cộng lực bằng kim loại có cán màu xanh, một xà beng bằng kim loại và một dao rọc giấy. L nhìn xuống khu vực chân cột đèn chiếu sáng trên vỉa hè thấy đầu dây cáp điện ngầm bị cắt đứt, có lõi bằng đồng. L quan sát thấy các nhà dân gần đó đã tắt điện đi ngủ, không có ai trông coi, L đã nảy sinh ý định trộm cắp dây cáp điện ngầm đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. L cầm xà beng, kim và dao đi đến cột đèn kế tiếp gần đó. L dùng xà beng cạy hai viên gạch ốp vỉa hè gần chân cột đèn chiếu sáng thì thấy có một đường ống nhựa bên trong có dây cáp điện. L lấy dao cắt ống nhựa bảo vệ rồi dùng kim cộng lực cắt đứt dây cáp điện và dây tiếp địa. Sau đó điều khiển xe máy về nhà cất xe máy và điều khiển xe máy điện màu đen trắng, không đeo biển số quay lại chỗ vừa cắt dây cáp điện dùng tay kéo mạnh. Khi kéo được khoảng 20 mét dây cáp điện ngầm và dây tiếp địa (đất) bằng đồng thì L cuộn tròn lại. Khi L đang cuộn dây và tiếp tục kéo thì bị lực lượng Công an thành phố Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Cơ quan công an đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và quản lý vật chứng.

Ngày 10/02/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Văn L quản lý 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda

Super Dream biển số 17B7 - 40549 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy biển số 17B7 - 40549.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận như trên. Lời khai của bị hại là đại diện Công ty cổ phần xây dựng công trình N, lời khai của người làm chứng là ông Phan Văn C và ông Nguyễn Trọng T đều thể hiện như lời khai của bị cáo.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 14/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: Trị giá tài sản tại thời điểm định giá ngày 09/02/2022 là 14.301.500 đồng. Trong đó: Trị giá 46,5 mét dây cáp điện ngầm có 04 lõi bằng kim loại đồng, bọc nhựa đường kính 2,5cm là 267.000 đồng x 46,5 mét = 12.415.500 đồng; Trị giá 46,0 mét dây tiếp địa bằng kim loại đồng là 41.000 đồng x 46,0 mét = 1.886.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKSTPTB ngày 28/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Phan Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không đề nghị xử phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự để tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước: 01 kìm cộng lực bằng kim loại có cán màu xanh; 01 xà beng bằng kim loại có một đầu nhọn và một đầu được đánh dẹp; tịch thu để tiêu hủy 01 dao rọc giấy cán nhựa màu vàng đen, 01 áo mưa màu xanh. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, bị cáo hứa sẽ sửa chữa mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng : Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Thái Bình lập hồi 23 giờ 25 phút ngày 09/02/2022 tại thôn Đ, xã T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (bút lục từ số 01 đến số 02) ; Biên bản khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường do Công an thành phố Thái Bình lập ngày 09/02/2022 (bút lục số 04 đến số 08); Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và biên bản niêm phong đồ vật tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình lập ngày 10/02/2022 (bút lục số 03, số 13); Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 14/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình (bút lục số 20) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 09/02/2022, tại khu vực vỉa hè đường 223, thuộc thôn Đ, xã T, thành phố Thái Bình, tổ công tác của Công an thành phố Thái Bình phát hiện bắt quả tang Phan Văn L đang lén lút trộm cắp 01 đoạn dây cáp điện dài 46,5 mét, bên ngoài bọc nhựa màu đen bên trong có nhiều sợi dây đồng trị giá 12.415.500 đồng và 01 đoạn dây tiếp địa bằng đồng dài 46 mét trị giá 1.886.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 14.301.500 đồng của Công ty cổ phần xây dựng công trình N.

[3] Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định: “1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*” Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo đã biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân tốt. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp đã trả lại cho bị hại, bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thiệt hại gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[7] Vật chứng, tài sản quản lý: 01 kim cộng lực bằng kim loại có cán màu xanh; 01 xà beng bằng kim loại có một đầu nhọn và một đầu được đánh dẹp; 01 dao rọc giấy cán nhựa màu vàng đen là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội giá trị sử dụng không đáng kể; 01 áo mưa màu xanh của bị cáo không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 17B7 - 405.49, là tài sản của bà Bùi Thị Hòa, sinh năm 1965, trú tại thôn P, xã X, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Ngày 09/02/2022, bà Hòa không biết Phan Văn L sử dụng đi trộm cắp tài sản. Ngày 14/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại chiếc xe trên và giấy đăng ký xe, bà Hòa đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì nên không đặt ra giải quyết.

[9] 01 chiếc xe máy điện không gắn biển số, màu sơn trắng đen Phan Văn L khai đã mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực gần cầu Bo, thành phố Thái Bình vào năm 2019. Kết luận giám định chiếc xe trên không xác định được số khung, số máy nguyên thủy và chưa xác định được nguồn gốc chiếc xe

trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**[1]. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Phan Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**[2]. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Phan Văn L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/6/2022.

Giao bị cáo Phan Văn L cho Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**[3]. Về xử lý vật chứng:** Tịch thu tiêu hủy: 01 kìm cộng lực bằng kim loại có cán màu xanh; 01 xà beng bằng kim loại có một đầu nhọn và một đầu được đánh dẹp; 01 dao rọc giấy cán nhựa màu vàng đen, 01 áo mưa màu xanh.

*(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 29/4/2022).*

**[4]. Về án phí:** Buộc bị cáo Phan Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**[5]. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo Phan Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/6/2022. Công ty cổ phần xây

dựng công trình N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- QCSĐT Công an thành phố Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**